

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-PT

Ngày 29/02/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Ông Cao Đức Chiến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**
Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tài sản chung, nợ chung.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 38/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/TB-TA ngày 16/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 03/QĐ-PT ngày 01/02/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Cao Thúy K, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; có mặt

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lương Thị H; địa chỉ: Khối 12, đường C, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Chu Thị Nguyễn P, Luật sư Văn phòng luật sư N thuộc đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Sỹ Đ - Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Khối phố L, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (theo Giấy ủy quyền số 48/UQ-NHCS ngày 24/5/2023); vắng mặt

2. Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1995; có mặt

3. Chị Nguyễn Diễm K, sinh năm 1997; có mặt

4. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Mạnh H, là bị đơn. Anh Nguyễn Mạnh C, Chị Nguyễn Diễm K, là người có quyền lợi liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Cao Thúy K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thúy K và ông Nguyễn Mạnh H chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 10/11/2008 (âm lịch), không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trước khi về chung sống với nhau có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc. Từ khi về chung sống với nhau vợ chồng có hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2018, bà Cao Thúy K và ông Nguyễn Mạnh H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, mâu thuẫn ngày càng nhiều, ông Nguyễn Mạnh H thường xuyên đánh đập bà Cao Thúy K khiến bà Cao Thúy K không thể chung sống với ông Nguyễn Mạnh H được nữa. Bà Cao Thúy K đã về sinh sống tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên từ năm 2020 và cũng sống ly thân với ông Nguyễn Mạnh H từ thời gian đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn bà Cao Thúy K xin ly hôn, nhưng do hai ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên bà Cao Thúy K yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà Cao Thúy K và ông Nguyễn Mạnh H là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thế A, sinh ngày 07/11/2011, hiện nay đang sống chung với bà Cao Thúy K tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông

Nguyễn Mạnh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: Có một mảnh đất tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, là thửa đất số 744, tờ bản đồ 87, diện tích 549m² được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ngày 16/7/2015 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh H vợ là Cao Thúy K; tài sản trên đất gồm 02 nhà xưởng xe gỗ được bà Cao Thúy K, ông Nguyễn Mạnh H xây dựng từ năm 2014, năm 2015 để làm nhà xưởng xe gỗ và kinh doanh đồ gỗ. Về nguồn gốc thửa đất: Trong quá trình chung sống với ông Nguyễn Mạnh H từ năm 2008, tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, bà Cao Thúy K và ông Nguyễn Mạnh H đi chợ làm ăn, buôn bán đến năm 2011 có thuê đất kinh doanh mở xưởng mộc, xe gỗ và có thuê thợ về cùng làm, trong quá trình làm ăn đã tích kiệm được một số tiền và một số tiền riêng của bà Cao Thúy K có từ trước mua được một mảnh đất của bà Trần Thị G, người cùng thôn trị giá 300.000.000đ theo giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/7/2013; bà Trần Thị G chuyển nhượng cho ông Nguyễn Mạnh H và vợ là Cao Thúy K. Lúc đó hai con riêng của ông Nguyễn Mạnh H là Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Diễm K còn nhỏ đang phải nuôi ăn học, không có công sức đóng góp vào việc mua đất và tài sản trên đất, do đó bà yêu cầu chia đôi đất và tài sản trên đất, bà Cao Thúy K và ông Nguyễn Mạnh H mỗi người sở hữu một nửa đất và tài sản trên đất.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Mạnh H nhất trí những ý kiến trình bày của nguyên đơn và đồng ý chấp nhận với yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Ông Nguyễn Mạnh H nhất trí những ý kiến trình bày của nguyên đơn và đồng ý chấp nhận với yêu cầu của nguyên đơn.

Về tài sản chung: Xác nhận có 01 mảnh đất tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn mua của bà Trần Thị G như bà Cao Thúy K trình bày. Ông không đồng ý chia đôi đất và tài sản trên đất mà yêu cầu chia đất và tài sản trên đất thành 4 phần bằng nhau cho ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K, các con riêng của ông Nguyễn Mạnh H là Nguyễn Diễm K, Nguyễn Mạnh C, vì các con riêng của ông Nguyễn Mạnh H đã lớn có công sức đóng góp vào việc tạo dựng tài sản. Ông Nguyễn Mạnh H thanh toán phần giá trị tài sản bằng tiền cho bà Cao Thúy K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông Nguyễn Mạnh H bổ sung yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và nợ chung như sau: Tài sản chung của ông Nguyễn Mạnh H và bà Cao Thúy K được xây dựng trên đất tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên nằm trên 02 thửa đất:

+ Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 59 diện tích 155,3m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái

Nguyên cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 14/9/2021 số seri DD662573, số vào sổ CS01133, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên: Bà Cao Thúy K.

+ Thừa đất số 22 tờ bản đồ số 59 diện tích 586,7m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 24/2/2017 số seri CE895070, số vào sổ CS00069, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên: Bà Cao Thúy K.

Các tài sản trên đất ông Nguyễn Mạnh H xác định là tài sản chung yêu cầu chia là: Nhà cấp 4, nhà xưởng, tường bao khuôn viên thửa đất, khối lượng đất đổ san lấp tạo mặt bằng làm nhà xưởng, toàn bộ công trình xây dựng năm 2018, tổng giá trị tài sản trên đất và giá trị đất đổ khoảng 400.000.000đ, do thời gian đã lâu nên ông Nguyễn Mạnh H cũng không nhớ chính xác, còn đất là của mẹ bà Cao Thúy K cho bà Cao Thúy K ông không yêu cầu giải quyết.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xây dựng trên đất năm 2018 gồm có: Nhà cấp 4, nhà xưởng, tường bao khuôn viên thửa đất có giá trị là: 85.076.500đồng, còn việc đổ đất đã tạo thành mặt bằng nên không xác định được giá trị, khối lượng tài sản. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Mạnh H không yêu cầu giá trị, khối lượng đổ đất san lấp mặt bằng. Ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu chia đôi giá trị tài sản xây dựng trên đất theo biên bản định giá ngày 07/9/2023 là 85.076.500đồng, ông Nguyễn Mạnh H và bà Cao Thúy K mỗi người một nửa. Việc xây dựng tài sản trên đất năm 2018 có có công sức đóng góp của ông, do ông Nguyễn Mạnh H là người gọi thợ, mua vật liệu và trả tiền công thợ, tuy nhiên do thời gian đã lâu nên ông Nguyễn Mạnh H không nhớ là bao nhiêu tiền và thanh toán cho ai vào thời điểm nào, việc mua vật liệu và thanh toán tiền công cho thợ chỉ trao đổi bằng miệng không có hợp đồng và hóa đơn thanh toán. Do đất là của bà Cao Thúy K nên ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu bà Cao Thúy K quản lý tài sản và thanh toán cho ông Nguyễn Mạnh H một nửa giá trị tài sản bằng tiền.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Mạnh H trình bày là có các khoản nợ chung như sau:

Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B theo sổ vay vốn mã KH: 2200060614 ngày 26/6/2018 số tiền 62.000.000đ.

Nợ bà Phạm Thị H, địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền 350.000.000đ.

Tổng số tiền nợ là: 412.000.000đ

Ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu bà Cao Thúy K có trách nhiệm trả ½ số nợ trên, số nợ còn lại ông Nguyễn Mạnh H sẽ có trách nhiệm trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Mạnh H xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung về nợ chung.

Bị đơn bà Cao Thúy K không nhất trí việc ông Nguyễn Mạnh H xác định tài sản trên đất tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên là tài sản chung mà đó là tài sản riêng của bà. Trước khi về chung sống với ông Nguyễn Mạnh H thì bà Cao Thúy K, mẹ đẻ bà Cao Thúy K, con gái riêng của bà Cao Thúy K vẫn làm ăn sinh sống trên mảnh đất này, sau khi về chung sống với ông Nguyễn Mạnh H thì mẹ bà Cao Thúy K và con gái riêng của bà Cao Thúy K vẫn sinh sống tại đây còn bà Cao Thúy K thì vẫn đi lại, đến năm 2018 bà Cao Thúy K và ông Nguyễn Mạnh H đã có mâu thuẫn thì bà Cao Thúy K mới về xây dựng thêm một số công trình trên đất, việc đổ đất san lấp mặt bằng và xây dựng công trình, mua vật liệu, thanh toán tiền công cho thợ đều là tiền riêng của bà Cao Thúy K tích kiệm được từ trước vì bà Cao Thúy K xác định đất là tài sản riêng của bà Cao Thúy K nên tài sản gắn liền với đất cũng là tài sản riêng của bà Cao Thúy K, không liên quan đến ông Nguyễn Mạnh H. Việc thanh toán tiền vật liệu và tiền công cho thợ là do bà Cao Thúy K chi trả nhưng do thời gian đã lâu nên bà Cao Thúy K cũng không nhớ được cụ thể là thanh toán cho ai và bao nhiêu tiền, việc mua vật liệu và thanh toán tiền công thợ đều do thỏa thuận cũng không có hợp đồng và hóa đơn thanh toán. Nên bà Cao Thúy K không chấp nhận tài sản trên đất tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên là tài sản chung và không đồng ý chấp nhận chia đôi giá trị tài sản trên đất cho ông Nguyễn Mạnh H. Về nợ, ông Nguyễn Mạnh H xin rút yêu cầu bà nhất trí, không có ý kiến gì.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Mạnh H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Mạnh H trình bày ý kiến nhất trí với yêu cầu của ông Nguyễn Mạnh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Nguyễn Mạnh C, chị Nguyễn Diễm K đều nhất trí với quan điểm với bị đơn ông Nguyễn Mạnh H.

Anh Nguyễn Văn S: Anh có được thuê nhà kho của ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K để làm chỗ sửa xe ô tô nhưng hiện nay chỉ làm chỗ để xe, sau khi Tòa án giải quyết đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bên nào thì anh tiếp tục thỏa thuận thuê lại đất với bên đó, còn không thỏa thuận được thì anh sẽ trả lại diện tích đất đã thuê. Ngoài ra anh Nguyễn Văn S không có yêu cầu đề nghị gì đối với diện tích đất đang tranh chấp.

Bà Phạm Thị H: Nhất trí với yêu cầu xin rút phần nợ chung của ông Nguyễn Mạnh H và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Những người làm chứng trình bày:

Anh Hoàng Quang N có được bán vật liệu tôn, sắt. Anh Trần Văn M được bán vật liệu cát, sỏi, xi măng, gạch. Anh Trịnh Xuân T có được xây tường rào, làm nhà cấp 4, lán sân; đều trình bày được làm cho ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K nhưng không có hợp đồng và hóa đơn thanh toán, do thời gian đã lâu nên không nhớ là bao nhiêu tiền và ai là người thanh toán, thanh toán vào thời điểm nào, chỉ biết là đã thanh toán xong.

Trưởng thôn M, xã V, huyện B cho biết: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Cao Thúy K chung sống với nhau tại thôn M, xã V từ năm 2008 mà không có đăng ký kết hôn, trong quá trình sinh sống tại thôn ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K có thuê một thửa đất đối diện với nhà Ông Nguyễn Mạnh H bà Cao Thúy K nhìn sang để làm xưởng mộc và thuê người đến làm mộc, đóng đồ gỗ, đến năm 2013 thì mua được đất của bà Trần Thị G thì ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K làm nhà và chuyển xưởng mộc về làm trên đất, nay là thửa đất số 744, tờ bản đồ 87, diện tích 549m². Khi ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K mua đất của bà Trần Thị G, cháu Nguyễn Mạnh C chưa đủ 18 tuổi, cháu Nguyễn Diễm K mới trên 16 tuổi.

Ông Hà Văn M cho biết ông làm nghề máy xúc chuyên đi đổ đất, san lấp mặt bằng, ông có được bà Cao Thúy K gọi đến để san lấp mặt bằng, đất là của mẹ bà Cao Thúy K lúc đó đổ khoảng 20 xe đất, mỗi xe 5 khối, tổng cộng khoảng 100 khối đất, toàn bộ số tiền khoảng 7.000.000đ do bà Cao Thúy K là người trực tiếp thanh toán cho ông toàn bộ, đất khi san lấp không có hố bom.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định:

** Tài sản tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn:*

Thửa đất số 744, tờ bản đồ 87, diện tích 549m² được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ ngày 16/7/2015 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh H vợ là Cao Thúy K.

Tài sản trên đất gồm có: 02 nhà xưởng (nhà kho) nền nhà lán vừa xi măng, mái vì kèo thép, trên lợp tôn được bà Cao Thúy K, ông Nguyễn Mạnh H xây dựng năm 2014, 2015.

Kết quả định giá đất và tài sản trên đất theo biên bản định giá: Đất có giá trị là 728.850.000đ; tài sản trên đất có giá trị là 544.844.000đ, tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 1.273.694.000đ.

** Tài sản tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên:*

+ Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 59 diện tích 155,3m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 14/9/2021 số seri DD662573, số vào sổ CS01133, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên: Bà Cao Thúy K.

+ Thửa đất số 22 tờ bản đồ số 59 diện tích 586,7m², địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 24/2/2017 số seri CE895070, số vào sổ CS00069, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên: Bà Cao Thúy K.

Tài sản trên đất xây dựng trên đất năm 2018 ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu chia gồm có: 01 xưởng lợp mái tôn, xà gồ thép xây dựng năm 2018, có giá trị còn lại là 61.985.000đ; 01 phòng xây bằng gạch (không lợp mái), xây dựng năm 2018, có giá trị còn lại 4.609.500đ; 01 sân bê tông, xây dựng năm 2018, có giá trị còn lại 10.261.500đ; 01 móng xây đá, xây dựng năm 2018, có giá trị còn lại 6.589.500đ; 01 Tường xây gạch, xây dựng năm 2018, có giá trị còn lại 1.631.000đ. Tổng cộng giá trị tài sản xây dựng năm 2018 là: 85.076.500đ.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 38/2023/HNGĐ-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Cao Thúy K và anh Nguyễn Mạnh H là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Cao Thúy K và anh Nguyễn Mạnh H. Chị Cao Thúy K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thế A, sinh ngày 07/11/2011 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Nguyễn Mạnh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ mỗi một tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Đến khi cháu Nguyễn Thế A trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Mạnh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thúy K về chia đôi tài sản chung tại thửa đất số 744, tờ bản đồ 87, diện tích 549m² và tài sản trên đất là hai nhà xưởng tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Chị Cao Thúy K và anh Nguyễn Mạnh H mỗi người được hưởng một nửa diện tích đất và tài sản trên đất, cụ thể:

Chị Cao Thúy K được quản lý và sử dụng 274,5m² đất, được đánh dấu bởi các điểm B, C, D, M, L, A, B và tài sản trên đất là nhà xưởng 2, có giá trị là 636.847.000đ (sáu trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Anh Nguyễn Mạnh H được quản lý và sử dụng 274,5m² đất được đánh dấu bởi các điểm D, E, F, K, L, M, D và tài sản trên đất là nhà xưởng 1, có giá trị là 636.847.000đ (sáu trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Tại thửa đất số 744, tờ bản đồ 87, có diện tích là 549m²; địa chỉ thửa đất tại: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đất được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 072149, số vào sổ cấp GCN: CH 04538, cấp ngày 16/7/2015 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh H vợ là Cao Thúy K.

Chị Cao Thúy K, anh Nguyễn Mạnh H có nghĩa vụ làm các thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3.2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Mạnh H về yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung trên đất là nhà cấp 4, nhà xưởng, tường bao khuôn viên

thửa đất xây dựng năm 2018. Trên thửa đất số 21 tờ bản đồ số 59 diện tích 155,3m²; thửa đất số 22 tờ bản đồ số 59 diện tích 586,7m², địa chỉ thửa đất tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Cao Thúy K.

4. Về nợ chung: Đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết nợ chung của anh Nguyễn Mạnh H: Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B số tiền 62.000.000đ (sáu mươi hai triệu đồng); nợ bà Phạm Thị H, địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng). Tổng số tiền nợ là 412.000.000đ (bốn trăm mười hai triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định:

Bị đơn ông Nguyễn Mạnh H kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần tài sản, cụ thể:

1. Ông Nguyễn Mạnh H đề nghị chia thửa đất số 744 và tài sản trên đất thuộc thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu chia thành 04 phần cho ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K, anh Nguyễn Mạnh C, chị Nguyễn Diễm K. Ông Nguyễn Mạnh H được quản lý sử dụng thửa đất số 744 cùng tài sản trên đất và sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản của bà Cao Thúy K cho bà Cao Thúy K.

Đối với tài sản tạo lập tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, bà Cao Thúy K phải có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho ông Nguyễn Mạnh H. Bà Cao Thúy K được tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản.

2. Anh Nguyễn Mạnh C và chị Nguyễn Diễm K đề nghị chia thửa đất số 744 và tài sản trên đất thuộc thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn thành 04 phần cho ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K, anh Nguyễn Mạnh C, chị Nguyễn Diễm K. Anh Nguyễn Mạnh C và chị Nguyễn Diễm K cùng có yêu cầu được quản lý sử dụng thửa đất số 744 cùng tài sản trên đất và sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản của bà Cao Thúy K cho bà Cao Thúy K.

Tại phiên toà phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Tài sản chung là thửa đất 744 mua năm 2013 có sự đóng góp của 2 con ông Nguyễn Mạnh H, vì lúc này bà Cao Thúy K vợ ông Nguyễn Mạnh H đang nuôi con nhỏ, Bản án sơ thẩm chia $\frac{1}{2}$ cho vợ chồng là ảnh hưởng đến quyền lợi của 2 con ông Nguyễn Mạnh H. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh H chia làm 4 phần, ông Nguyễn Mạnh H và các con được quản lý trả giá trị tài sản cho nguyên đơn.

Về tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, việc xây nhà xưởng là do ông Nguyễn Mạnh H xây dựng, như đổ đất, san lấp mặt bằng, sau khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Mạnh H đã cung cấp thêm tài liệu chứng từ thanh toán như Thép Nam Phong hơn 125 triệu, đổ đất hơn 15 triệu, xây móng hơn 16 triệu; xác định đây là chung trong thời kỳ chung sống, giá trị tài sản khi định giá là 82 triệu, đề nghị chia đôi.

Anh Nguyễn Mạnh C, chị Nguyễn Diễm K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Đơn kháng cáo trong thời hạn, đúng theo quy định tại Điều 273, 274 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo là hợp lệ.

Đối với đề nghị chia thừa đất số 744 và tài sản trên đất thuộc thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn thành 04 phần cho ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K, anh Nguyễn Mạnh C, chị Nguyễn Diễm K. Ông Nguyễn Mạnh H được quản lý sử dụng thừa đất số 744 cùng tài sản trên đất và sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản cho bà Cao Thúy K: Căn cứ tài liệu trong hồ sơ, xác định thừa đất số 744 và tài sản trên đất là tài sản chung của ông Nguyễn Mạnh H và bà Cao Thúy K, có công sức đóng góp ngang nhau trong quá trình tạo lập. Đất có nguồn gốc là của ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K nhận chuyển nhượng của bà G ngày 02/7/2013, khi đó các con riêng của ông Nguyễn Mạnh H là anh Nguyễn Mạnh C sinh ngày 08/7/1995 chưa đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Diễm K sinh ngày 19/12/1997 mới trên 16 tuổi, còn đang đi học nên cấp sơ thẩm xác định anh C, chị K không có công sức đóng góp vào việc tạo dựng tài sản là có cơ sở. Ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu chia đất và tài sản trên đất thành 04 phần, trong đó có phần của anh Nguyễn Mạnh C, bà Cao Thúy K là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với đề nghị chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là nhà trên đất tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên: Tài sản trên đất xây dựng năm 2018 có giá trị là 85.076.500đ. Căn cứ lời trình bày của những người làm chứng là ông Hoàng Quang N, ông Trần Văn M có được bán vật liệu xây dựng cho ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K; ông Trịnh Xuân T, bà Lao Thị N được xây tường rào, nhà cấp 4 cho ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K tại Thái Nguyên, ông Nguyễn Mạnh H là người trực tiếp thanh toán tiền công. Đồng thời ông Nguyễn Mạnh H có cung cấp các hóa đơn mua hàng tên H K vào năm 2018, thời điểm

đó ông bà vẫn chung sống với nhau. Do vậy, xác định là tài sản chung, xét yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên của ông Nguyễn Mạnh H là có cơ sở chấp nhận.

Từ những đánh giá trên, thấy rằng không có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người liên quan chia thửa đất 744 và tài sản trên đất thuộc thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn thành 04 phần. Có căn cứ chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Mạnh H về phần yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung tạo lập tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Tuy nhiên, qua kiểm sát Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn thấy có một số vi phạm, thiếu sót như sau: Về yêu cầu chia tài sản chung là các công trình xây dựng năm 2018 tại xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên có tổng giá trị là 85.076.500 đồng. Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án, tại các biên bản xác minh của Tòa án sơ thẩm những người làm chứng đều trình bày được cung cấp vật liệu, xây dựng nhà xưởng cho ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K năm 2018 tại xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời, năm 2018 khi xây nhà xưởng ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K vẫn sống chung với nhau, do đó xác định các công trình là tài sản chung, nhưng Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung cho ông Nguyễn Mạnh H là chưa đảm bảo, ảnh hưởng quyền lợi của đương sự. Về yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất 744 và tài sản trên đất là 02 nhà xưởng, theo Biên bản định giá đất và tài sản ngày 21/02/2023, xác định thửa đất số 744, tờ bản đồ 87, diện tích 549m² có giá trị là 728.850.000 đồng, tài sản trên đất có giá trị 544.844.000 đồng (nhà xưởng 1 có giá trị 206.781.000 đồng, nhà xưởng 2 có giá trị 338.063.000 đồng); tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 1.273.694.000 đồng. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thúy K, chia đôi cho ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K mỗi người 1 nửa có giá trị 636.847.000 đồng (bà Cao Thúy K được quản lý, sử dụng 274,5m² đất và tài sản trên đất là nhà xưởng 2, ông Nguyễn Mạnh H được quản lý, sử dụng 274,5m² đất và nhà xưởng 1). Tuy nhiên, theo kết quả định giá tài sản thấy nhà xưởng 1 và nhà xưởng 2 có giá trị khác nhau, do đó phần tài sản thực tế bà Cao Thúy K nhận có giá trị nhiều hơn phần giá trị tài sản thực tế ông Nguyễn Mạnh H nhận, nhưng Tòa án sơ thẩm không xem xét buộc bà Cao Thúy K thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông Nguyễn Mạnh H là chưa đảm bảo, ảnh hưởng quyền lợi của đương sự. Ngày 15/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành kiến nghị khắc phục vi phạm trong giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm nêu trên.

Từ những phân tích nêu trên: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Mạnh H, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Mạnh C, chị Nguyễn Diễm K. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn. Về án phí: Do sửa Bản án nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phiên toà mở lần thứ hai vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh H, anh Nguyễn Mạnh C, chị Nguyễn Diễm K về việc chia tài sản chung là thửa đất số 744, tờ bản đồ 87, diện tích 549m² và tài sản trên đất là hai nhà xưởng tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn thành 04 phần, bà Cao Thúy K, ông Nguyễn Mạnh H và hai con riêng của ông là anh Nguyễn Mạnh C, chị Nguyễn Diễm K mỗi người được hưởng một phần, nhận thấy:

[3] Bà Cao Thúy K và ông Nguyễn Mạnh H đều thừa nhận có tài sản chung là đất và tài sản trên đất là 02 xưởng xe gỗ tại thửa đất số 744, tờ bản đồ 87, diện tích 549m², đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/7/2015 cho hộ ông Nguyễn Mạnh H, vợ là Cao Thúy K. Đất có nguồn gốc là ngày 02/7/2013 ông Nguyễn Mạnh H và vợ là Cao Thúy K nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị G là người cùng thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn với số tiền là 300.000.000đ và tài sản trên đất là 01 căn nhà nhỏ 02 gian và 06 cây sưa (theo giấy chuyển nhượng ngày 02/7/2013), có xác nhận của người làm chứng, thôn M và Ủy ban nhân dân xã V. Sau khi mua được đất, ông bà H K đã tháo dỡ nhà, chặt cây trên đất để xây dựng 02 nhà xưởng (kiểu nhà kho) vào năm 2014, 2015, để làm xưởng xe gỗ và kinh doanh đồ gỗ. Về nguồn gốc số tiền có được để mua đất và xây dựng tài sản trên đất là của bà Cao Thúy K ông Nguyễn Mạnh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 do đi chợ, làm ăn buôn bán, mở xưởng thuê người xe gỗ, kinh doanh đồ gỗ tích kiệm được trong quá trình chung sống. do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh H.

[4] Đối với yêu cầu được quản lý, sử dụng tài sản là thửa 744 tờ bản đồ 87, diện tích 549m² và tài sản trên đất là hai nhà xưởng tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và thanh toán phần giá trị tài sản bằng tiền cho chị Cao Thúy K, nhận thấy: Theo kết quả xem xét thẩm định, hiện nay trên đất có 02 nhà xưởng, cấp sơ thẩm đã chia đôi đất và tài sản trên đất cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Cao Thúy K, mỗi người một nửa đất và tài sản trên đất là nhà xưởng là phù hợp. Do đó cần giữ nguyên phần quyết định chia đôi đất theo các đỉnh điểm cấp sơ thẩm đã quyết định.

[5] Đối với chị Nguyễn Diễm K, thời điểm mua đất năm 2013 và thời điểm xây nhà xưởng năm 2014 chưa đủ 18 tuổi, gia đình vẫn phải nuôi ăn học, do đó không có căn cứ để xem xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Diễm K và ông Nguyễn Mạnh H về việc chị Diễm được ¼ khối tài sản nêu trên.

[6] Đối với anh Nguyễn Mạnh C, thời điểm mua đất ngày 02/7/2013 anh Nguyễn Mạnh C chưa đủ 18 tuổi,(17 tuổi 11 tháng 24 ngày) thời điểm xây dựng nhà xưởng anh Nguyễn Mạnh C đã trên 18 tuổi. Tại phiên toà anh Nguyễn Mạnh

C trình bày: Sau khi học xong lớp 12 anh đã không tiếp tục đi học mà ở nhà phụ giúp bố là ông Nguyễn Mạnh H lao động tại xưởng mộc để tạo lợi nhuận, anh Nguyễn Mạnh C trình bày một ngày công nếu làm thuê thì được trả từ 250.000 đến 300.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo được hưởng $\frac{1}{4}$ thửa đất số 744 tờ bản đồ 87, diện tích $549m^2$ tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[7] Tuy nhiên, theo biên bản định giá tài sản, nhà xưởng 01 (phần nhà xưởng ông Nguyễn Mạnh H được quản lý sử dụng) bao gồm cả bể tự hoại có giá là 209.739.000 đồng; nhà xưởng 02 (phần nhà xưởng bà Cao Thúy K được quản lý sử dụng) có giá là 338.063.000 đồng. Bản án sơ thẩm chia đôi tài sản chung là thửa 744 và tài sản là 02 nhà xưởng nhưng chưa xem xét buộc bà Cao Thúy K phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông Nguyễn Mạnh H là chưa đảm bảo ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Tại Kiến nghị số 04/KN-VKS-DS ngày 15/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn cũng thể hiện nội dung này. Theo kết quả định giá thì giá trị chênh lệch tài sản là 128.324.000đ, tuy nhiên diện tích chia cho ông Nguyễn Mạnh H có $64,2m^2$ nằm trong xưởng số 2, các điểm M, K,L,K của mảnh trích đo; theo biên bản định giá thì: $(64,2m^2 \times 1.647.000 \times 5\% \times 9)$ thì giá chênh lệch là 70.168.000 đồng, ông Nguyễn Mạnh H và bà Cao Thúy K được hưởng $\frac{1}{2}$ số tiền này; $70.168.000 : 2 = 35.084.000$ đ; cần buộc bà Cao Thúy K phải thanh toán giá trị chênh lệch cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền là 35.084.000đ (Ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

[8] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh H về yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung trên đất là nhà cấp 4, nhà xưởng, tường bao khuôn viên thửa đất xây dựng năm 2018. Trên thửa đất số 21 tờ bản đồ số 59 diện tích $155,3m^2$; thửa đất số 22 tờ bản đồ số 59 diện tích $586,7m^2$, địa chỉ thửa đất tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Cao Thúy K, nhận thấy: Quá trình giải quyết ông Nguyễn Mạnh H không yêu cầu giá trị, khối lượng đồ đất san lấp mặt bằng. Ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu chia đôi giá trị tài sản xây dựng trên đất theo biên bản định giá ngày 07/9/2023 là 85.076.500đồng cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Cao Thúy K mỗi người một nửa. Theo ông Nguyễn Mạnh H thì việc xây dựng tài sản trên đất năm 2018 có có công sức đóng góp của ông, bản thân ông là người gọi thợ, mua vật liệu và trả tiền công thợ, tuy nhiên do thời gian đã lâu nên ông không nhớ là bao nhiêu tiền và thanh toán cho ai vào thời điểm nào, việc mua vật liệu và thanh toán tiền công cho thợ chỉ trao đổi bằng miệng không có hợp đồng và hóa đơn thanh toán. Những người làm chứng: Ông Hoàng Quang N, ông Trần Văn M trình bày có được bán vật liệu xi măng, cát sỏi, sắt thép cho ông Nguyễn Mạnh H bà Cao Thúy K; ông Trịnh Xuân T trình bày có được xây nhà, tường rào cho ông Nguyễn Mạnh H bà Cao Thúy K nhưng do thời gian đã lâu, không còn nhớ số tiền cụ thể đã được thanh toán là bao

nhiều, ai là người thanh toán vì khi đó cũng không có hợp đồng hay hóa đơn gì. Bà Cao Thúy K khẳng định đất là tài sản riêng của bà Cao Thúy K, có nguồn gốc của của mẹ đẻ bà Cao Thúy K, tài sản xây dựng trên đất là tài sản riêng của bà Cao Thúy K do bà Cao Thúy K thanh toán và chi trả bằng tiền riêng của bà Cao Thúy K. Tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Mạnh H, bà Cao Thúy K cung cấp một số hoá đơn mua bán chứng minh cho việc mua bán vật liệu năm 2018. Xét thấy, thời điểm xây dựng tài sản tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên ông Nguyễn Mạnh H và bà Cao Thúy K vẫn tồn tại quan hệ sống chung vợ chồng. Tại Kiến nghị số 04/KN-VKS-DS ngày 15/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn cũng thể hiện nội dung này, xác định đây là tài sản chung; do đó có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh H. Buộc bà Cao Thúy K phải thanh toán là $85.076.000 : 2 = 42.500.000$ đồng. (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng)

[9] Tổng số tiền ông Nguyễn Mạnh H được chia là: $35.084.000 + 42.500.000 = 77.584.000$ đồng (Bảy mươi bảy triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng)

[10] Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Mạnh H, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh C và chị Nguyễn Diễm K, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[11] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Cao Thúy K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bị đơn ông Nguyễn Mạnh H phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Bà Cao Thúy K và anh Nguyễn Mạnh H mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản tranh chấp tương ứng với giá trị tài sản được chia là 29.473.880đ (hai mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm tám mươi đồng). Tổng cộng bà Cao Thúy K phải chịu 29.773.880đ (hai mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm tám mươi đồng). Bà Cao Thúy K, ông Nguyễn Mạnh H phải chịu thêm phần án phí tương ứng với phần giá trị tài sản được chia $42.500.000 \times 5\% = 2.125.000$ đồng. (hai triệu một trăm hai mươi năm nghìn đồng).

[12] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Mạnh H, không phải chịu án phí phúc thẩm. Do sửa bản án sơ thẩm nên anh Nguyễn Mạnh C, chị Nguyễn Diễm K không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho các đương sự số tiền tạm ứng án phí đã nộp

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với nội dung kháng cáo là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[14] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Mạnh H, không chấp nhận kháng cáo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Mạnh C và chị Nguyễn Diễm K; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 1, 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166; các Điều 92, 227, 228, 229, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 16, 53, 54, 57, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 5, điểm b khoản 6, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Về tài sản chung:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thúy K về chia đôi tài sản chung tại thửa đất số 744, tờ bản đồ 87, diện tích 549m² và tài sản trên đất là hai nhà xưởng tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. bà Cao Thúy K và ông Nguyễn Mạnh Hùng mỗi người được hưởng một nửa diện tích đất và tài sản trên đất, cụ thể:

1.1. Bà Cao Thúy K được quản lý và sử dụng 274,5m² đất, được đánh dấu bởi các điểm B, C, D, M, L, A, B và tài sản trên đất là nhà xưởng 2.

1.2. Ông Nguyễn Mạnh H được quản lý và sử dụng 274,5m² đất được đánh dấu bởi các điểm D, E, F, K, L, M, D và tài sản trên đất là nhà xưởng 1, (trong đó có 64,2m² đất và tài sản trên đất nhà xưởng 2; các điểm M, K,L,K) Tại thửa đất số 744, tờ bản đồ 87, có diện tích là 549m²; địa chỉ thửa đất tại: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đất được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 072149, số vào sổ cấp GCN: CH 04538, cấp ngày 16/7/2015 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh H vợ là Cao Thúy K.

Bà Cao Thúy K, ông Nguyễn Mạnh H có nghĩa vụ làm các thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

(Có sơ họa trích đo địa chính số 9/2023 ngày 08/3/2023 của Công ty Cổ phần khảo sát Đại Việt kèm theo)

1.3. Bà Cao Thúy K phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền là 35.084.000đ (Ba mươi năm triệu không trăm tám mươi bốn nghìn đồng)

2. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh C, chị Nguyễn Kiều Diễm

3. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh H về yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung trên đất, thửa đất số 21 tờ bản đồ số 59 và thửa đất số 22 tờ bản đồ số 59 địa chỉ thửa đất tại xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Bà Cao Thúy K được quản lý, sử dụng tài sản trên đất nêu trên. Bà Cao Thúy K phải thanh toán giá trị tài sản cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền là 42.500.000đ. (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng)

4. Bà Cao Thúy K phải thanh toán cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền là 35.084.000đ + 42.500.000đ = 77.584.000đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương đương với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

II. Về án phí:

1. Án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Cao Thúy K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí có giá ngạch đối giá trị tài sản được chia là 31.598.000đ (Ba mươi một triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng). Tổng cộng bà Cao Thúy K phải chịu 31.898.000đ (Ba mươi một triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng). Xác nhận chị Cao Thúy K đã nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002834, ngày 11/11/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chị Cao Thúy K còn phải nộp 21.898.000đ (Hai mươi một triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng)

- Bị đơn ông Nguyễn Mạnh H phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí có giá ngạch đối giá trị tài sản được chia là 31.748.000đ (Ba mươi một triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Xác nhận anh Nguyễn Mạnh H đã nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002970, ngày 16/8/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Anh Nguyễn Mạnh H còn phải nộp còn phải nộp 21.748.000đ (Hai mươi một triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng)

2. Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Mạnh H, anh Nguyễn Mạnh C, chị Nguyễn Kiều Diễm không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Mạnh H 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0002991 ngày 16/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Mạnh C 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0002992 ngày 16/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Diễm K 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0002993 ngày 16/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

7. Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. B, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. B, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H. B, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Tuệ